TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 220/2025/HNGĐ - ST
Ngày 21/4/2025
V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:*** Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2024/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2024 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 106/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 12/6/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/12/2013. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng

hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không còn hòa hợp. Hiện vợ anh đã đi làm Bình Dương không về chung sống cùng anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Kiều N1 – sinh ngày 21/6/2013, Lê Kiều X – sinh ngày 01/2/2019. Lúc anh làm đơn xin ly hôn thì các cháu sống chung với anh, anh có yêu cầu được nuôi 02 con, đến Tết Ất Tỵ 2025 thì vợ về dẫn 02 cháu đi lên Bình Dương ở cho đến nay. Nay anh thay đổi yêu cầu khởi kiện là giao 02 con cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo N đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân anh T và chị N tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không tiếp tục duy trì được nữa. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Về con chung: Có 02 con chung, hiện 02 cháu đang ở với chị N, anh T đồng ý giao con cho chị N nuôi nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa anh và chị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2}Về sự có mặt của đương sự: Chị N là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng; nhưng chị không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N.

{1.3} Về quan hệ tranh chấp: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo N và anh giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nên đây là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thảo N trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 12/6/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/12/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến tháng 12/2022 thì ly thân, hiện chị N đã đi làm ăn ở Bình Dương không trở về chung sống với anh T từ đó cho đến nay. Anh T đã nhiều lần yêu cầu chị N về sống chung nhưng chị N không chịu về sống cùng với anh T. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đối với chị N, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc anh T yêu cầu được ly hôn; nhưng chị N không có ý kiến gì về việc anh T yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân của anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo N.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 02 người con chung tên Lê Kiều N1 - sinh ngày 21/6/2013, Lê Kiều X - sinh ngày 01/2/2019. Lúc anh làm đơn yêu cầu ly hôn thì các cháu sống chung với anh, anh có yêu cầu được nuôi 02 con, đến Tết Ất Tỵ 2025 thì chị T chở về dẫn 02 cháu đi lên Bình Dương ở cho đến nay. Nay anh thay đổi yêu cầu khởi kiện là giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án tống đạt thông báo về việc anh T thay đổi yêu cầu khởi

kiện đến chị N là giao cháu cho chị N nuôi dưỡng; nhưng chị N cũng không có ý kiến gì về việc anh T giao 02 cháu cho chị N nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai các cháu có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, các cháu yêu cầu được ở với mẹ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cháu N1, cháu X cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã gửi văn bản cho chị N về việc anh T giao con cho chị N nuôi dưỡng nhưng chị N không có ý kiến gì về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nên miễn xét.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009047 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Kiều N1 - sinh ngày 21/6/2013, Lê Kiều X - sinh ngày 01/2/2019 cho chị Nguyễn Thị Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. **Về tài sản chung, nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009047 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh T được tính kể ngày tuyên án (ngày 21/4/2025). Chị N được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp